

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2024/DS-ST**
Ngày 09 - 8 - 2024
Về việc tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Châu Hoàng Huy

Ông Huỳnh Việt Bắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Tuyết Trân – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Quách Thị B**, sinh năm: 1952

Địa chỉ cư trú: **Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2024

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Bé D**, sinh năm: 1985 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Bùi Thị Đ** trình bày:*

Bà **B** có tham gia hụi do bà **Phạm Thị Bé D** làm chủ, bà **B** tham gia dây hụi mở ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ/tháng, tổng số 42 chung, bà **B** tham gia 02 chung, bà **B** đã đóng hụi cho bà **D** 40 kỳ, số tiền hụi bà **B**

yêu cầu là 80.000.000 đồng, bà B đã đòi tiền nhiều lần nhưng bà D không trả nên bà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh xem xét giải quyết buộc bà Phạm Thị Bé D phải có trách nhiệm trả cho bà B số tiền là 80.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/7/2024 bị đơn bà Phạm Thị Bé D trình bày:

Đối với đây hụi này đã mãn từ lâu, bà không có tiền trả cho bà B nên còn nợ đến giờ, nay bà B yêu cầu bà trả tiền thì bà đồng ý trả cho bà B số tiền 80.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng trả một lần mà yêu cầu được trả dần. Trường hợp bà B không đồng ý cho bà trả dần mà tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt khi giải quyết vụ án của bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị B. Buộc bà Phạm Thị Bé D trả cho bà Quách Thị B số tiền hụi 80.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: bà Quách Thị B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Bé D trả tiền hụi. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà D yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bà D theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Quách Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Bé D trả cho bà số tiền hụi là 80.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà B tham gia hụi do bà D làm chủ là có thật được bà D thừa nhận, bà D cũng xác định tổng số tiền hụi bà D còn nợ bà B là 80.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà B. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ

sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị B đối với bà Phạm Thị Bé D về việc yêu cầu trả tiền hụi là 80.000.000 đồng.

Bà D yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ vì không có khả năng trả một lần nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà B không đồng ý để bà D trả dần. Xét thấy, giữa các đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét, giữa các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức trả tiền trong quá trình thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị Bé D phải chịu 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng. Bà Quách Thị B không phải chịu án phí, bà B là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị B về việc yêu cầu bà Phạm Thị Bé D trả tiền hụi.

Buộc bà Phạm Thị Bé D trả cho bà Quách Thị B số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị Bé D phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng C